TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thanh Thủy;

Ông Hoàng Quốc Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn) xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, về việc:*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 11/2025/CV-TA ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Triệu Quốc T; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm lễ cưới theo phong tục địa phương, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau. Chị và anh K đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chị chuyển về sống tại nhà anh K ở Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn). Thời gian đầu sau khi mới cưới thì chị và anh K đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh K hay rượu chè, khi say về lại đánh chị, đến khoảng năm 2019 thì anh K đi công ty ở Bắc Ninh, có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Từ khoảng tháng 10 năm 2020 thì chị và anh K đã bắt đầu sống ly thân, đến khoảng năm 2023 thì chị chuyển về Thái Nguyên sống. Từ lúc sống ly thân thì anh K không hỏi thăm, quan tâm gì đến chị, chị cũng có gọi cho anh K thì anh K không nghe máy, không nhắn tin lại. Nay chị không còn tình cảm với anh K, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Quá trình chị và anh K chung sống với nhau có 01 con chung là Triệu Đức B, sinh ngày 25/8/2014, hiện nay cháu B đang ở cùng với anh K và đang học ở trường tiểu học H, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay anh K đang đi làm công ty, tuy nhiên bố của anh K là ông Triệu Quốc T vẫn hàng hỗ trợ đưa đón cháu B đi học, trông nom, chăm sóc, nấu ăn cho cháu B. Do chị ở Thái Nguyên chưa có chỗ ở ổn định nên sau khi ly hôn, anh K là người trực tiếp nuôi cháu B, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung, cho vay chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn anh Triệu Văn K lên Tòa án lấy lời khai, tuy nhiên bị đơn anh Triệu Văn K không hợp tác, không lên Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh K được.

Người làm chứng ông Triệu Quốc T là bố đẻ của anh Triệu Văn K trình bày: Đối với các Thông báo, Quyết định của Tòa án, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh K, tuy nhiên do anh K bận đi công ty nên không đến Tòa án được. Hiện nay cháu Triệu Đức B là con của anh Triệu Văn K và chị Phan Thị P vẫn đang ở cùng gia đình ông. Cháu B hiện nay đang học ở trường tiểu học H, hàng ngày ông vẫn hỗ trợ anh K đưa đón cháu B đi học, nấu ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Anh K đi làm công ty vẫn thường xuyên hỏi thăm cháu B và gửi tiền về gia đình để nuôi dưỡng cháu B, hiện nay cháu B vẫn đang phát triển, học tập tốt. Gia đình ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Phan Thị P đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải

quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị P, cho chị P được ly hôn với anh K. Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Đức B, sinh ngày 25/8/2014 cho anh Triệu Văn K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn anh Triệu Văn K có nơi cư trú tại Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn). Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị P, bị đơn anh Triệu Văn K, người làm chứng ông Triệu Quốc T đều vắng mặt. Tuy nhiên nguyên đơn chị Phan Thị P đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Triệu Quốc T đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Phan Thị P và anh Triệu Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Thái Nguyên). Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Trong cuộc sống gia đình giữa chị P và anh K đã phát sinh mâu thuẫn, có nhiều điểm không hòa hợp. Hiện nay chị P và anh K đã sống ly thân, hai bên mặc kệ nhau muốn sống thế nào thì sống, bản thân chị P cũng không còn tình cảm với anh K. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị P và anh K không đạt được, bản thân chị P và anh K cũng đã ly thân, không còn chung sống với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị P xin ly hôn với anh Triệu Văn K là có căn cứ và được chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Phan Thị P và anh Triệu Văn K có 01 con chung là Triệu Đức B, sinh ngày 25/8/2014. Hiện nay cháu Triệu Đức B vẫn đang sống cùng gia đình của anh K và đang học tập tại trường tiểu học H, xã T, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn). Hàng

ngày bố của anh K là ông Triệu Quốc T vẫn hỗ trợ anh K đưa đón cháu B đi học, nấu ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Anh K đi làm công ty những vẫn thường xuyên hỏi thăm cháu B và gửi tiền về gia đình để nuôi dưỡng cháu B, hiện nay cháu B vẫn đang phát triển, học tập tốt. Gia đình ông T, anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị P hiện nay chưa có chỗ ở ổn định, ngoài ra cháu B cũng có nguyện vọng muốn ở cùng bố trong trường hợp bố, mẹ ly hôn. Do đó để không làm thay đổi cuộc sống, học tập của cháu B, giao cháu B cho anh Triệu Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi là phù hợp, thuận tiện cho sự phát triển của cháu B. Chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Phan Thị P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Phan Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 228; 229; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị P. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị P được ly hôn với anh Triệu Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Đức B, sinh ngày 25/8/2014 cho anh Triệu Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Phan Thị P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị P đã nộp, tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại kho bạc nhà nước khu vực VI - Phòng nghiệp vụ 2 (trước đây chị Phan Thị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001907 ngày 05/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn – nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Lạng Sơn). Xác nhận chị Phan Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phan Thị P, bị đơn anh Triệu Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND xã Q, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển